

Số: 12/2021/QĐST-HNGĐ

Lâm Bình, ngày 30 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 04/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Trương Thị N**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Anh **Nông Văn G**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 28, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trương Thị N và anh Nông Văn G.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Giao cháu Trương Tuấn K, sinh ngày 08/7/2016 cho chị Trương Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Nông Văn G không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Nông Văn G có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở và có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Trương Thị N và anh Nông Văn G cùng xác định không có tài sản chung, không vay nợ chung, không cho ai vay nợ, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Trương Thị N phải nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000098 ngày 08/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho chị N số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Lâm Bình;
- Chi cục THADS huyện Lâm Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã B (để biết);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lý Đức Quỳnh